

TỔ CHỨC VÀ ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NỀN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO PHẬT GIÁO VIỆT NAM THẾ KỈ X-XIV

HOÀNG VĂN NĂM^(*)

G iáo dục và đào tạo Phật giáo từ thế kỉ X đến thế kỉ XIV là một trong những giai đoạn phát triển rực rỡ của nền giáo dục và đào tạo Phật giáo Việt Nam. Trải qua 5 thế kỉ, gắn liền với các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần và Hồ, việc giáo dục và đào tạo Phật giáo được khởi sự từ những ngôi chùa. Đầu tiên, các vị cao tăng giảng Phật pháp, khuyến dạy đạo đức và tạo ý thức về nếp sống hiền thiện cho quần chúng Phật tử. Mặt khác, chư tăng còn giáo dục và đào tạo lớp tu sĩ kế thừa truyền bá chính pháp. Vì vậy, có nhiều ông vua phong kiến chịu ảnh hưởng rất lớn từ nền giáo dục này. Họ là sản phẩm của nền giáo dục và đào tạo Phật giáo, tiêu biểu như Lý Công Uẩn: “Nhà Lý với Lý Công Uẩn, người mở đầu thời đại Lý, Trần, thoát thai từ cửa Phật, từng được học hành, “ham thích kinh sử”, thông qua sự giáo dục của nhà chùa”⁽¹⁾.

Năm 938, sau chiến thắng quân Nam Hán của Ngô Quyền trên sông Bạch Đằng, mở ra một thời kì mới cho lịch sử dân tộc, thời kì độc lập tự chủ dân tộc. Trong buổi đầu, do nhu cầu về nhân tài

phục vụ đất nước, về nhân viên hành chính thừa hành, các triều đại đầu tiên của Đại Việt còn lưu dụng những người do chính quyền Trung Quốc đào tạo. Thực tế cho thấy, chính sách giáo dục đồng hóa và thư lại thời Bắc thuộc chỉ đào tạo được những nhân viên hành chính bản xứ cấp thừa hành. Trong dân gian, trình độ dân trí về cơ bản chưa đáp ứng được yêu cầu của lịch sử dân tộc, chỉ có các thiền sư là những người có đủ đức hạnh và uyên thâm Hán học. Nhờ đó, các vị thiền sư đã nhanh chóng được triều đình phong kiến sử dụng làm cố vấn cho các vua về chính trị, kinh tế, ngoại giao, v.v... Vì thế, vào khoảng đầu thời kì lập quốc này, lịch sử Việt Nam đã khắc ghi vào thanh sử dân tộc các vị tăng sĩ lừng danh tài đức và cũng là những bậc thầy của giáo dục và đào tạo Phật giáo Việt Nam trong 5 thế kỉ đầu độc lập như: Thái sư Khuông Việt, Thiền sư Pháp Thuận, Thiền sư Vạn Hạnh, v.v... và cũng do đó

*. ThS., Thích Trí Như, Trường Trung cấp Phật học Hà Nội.

1. Bộ quốc phòng, Viện lịch sử quân sự Việt Nam. *Kế sách giữ nước thời Lý – Trần*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 45.

mà giáo dục và đào tạo Phật giáo thời kì này có vai trò rất lớn đối với chính quyền phong kiến, xã hội và con người Việt Nam, trong công cuộc dựng nước và giữ nước, tiêu biểu như dưới thời Lý - Trần, đánh thắng Chiêm Thành, ba lần đánh thắng quân Nguyên - Mông; xây dựng được ý thức hệ dân tộc độc lập, tạo điều kiện cho Phật giáo được phổ biến sâu rộng trong quần chúng và vươn lên những mốc son phát triển cực thịnh trong lịch sử dân tộc.

Sở dĩ có được mốc “son vàng sử ngọc” ấy là một phần dựa vào nền giáo dục và đào tạo bài bản, toàn diện của Phật giáo về cả tổ chức, mục tiêu và phương pháp.

1. Về tổ chức giáo dục và đào tạo Phật giáo Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XIV

Vào thời kì đầu lập quốc, qua các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê, các vua vừa phải lo tổ chức đất nước, thiết lập cơ cấu hành chính, tài chính, quân sự vừa phải đối phó với nhiều khó khăn từ bên trong cũng như bên ngoài nên tổ chức và giáo dục đào tạo Phật giáo chưa được quan tâm. Trung tâm Phật giáo lúc này là Luy Lâu. Tại đây, việc giáo dục và đào tạo Phật giáo suốt mười thế kỉ đầu du nhập và truyền bá về cơ bản mới chỉ dừng lại ở bước đầu, chưa có hệ thống tổ chức. Chỉ đến thời Lý - Trần, với sự phát triển cực thịnh gần như là quốc giáo của Phật giáo, việc giáo dục và đào tạo Phật giáo mới được xây dựng một cách hệ thống ở các địa phương. Cơ sở giáo dục chính vẫn là các chùa và xuất hiện các trung tâm giáo dục và đào tạo Phật giáo. Thời Lý, các chùa cũng là nơi có nhiều tăng sĩ tu học và được chia làm ba loại: 1) Đại danh

lam, chùa lớn; 2) Trung danh lam, chùa vừa; 3) Tiểu danh lam, chùa nhỏ. Sang thời Trần, Giáo hội Trúc Lâm ra đời, Yên Tử trở thành trung tâm giáo dục và đào tạo Phật giáo, nhưng giáo dục và đào tạo trong các chùa vẫn được duy trì phát triển. Trong thời đại thịnh trị nhất của Phật giáo Trúc Lâm, có rất nhiều tự viện và chùa được xây dựng. Đây chính là những cái nôi đào tạo Phật giáo cho cả nước. “Đời Trần có khoảng 9.500 ngôi chùa và 30.000 tăng sĩ, trung bình mỗi chùa có ba vị tăng sĩ. Có những tổ đình có hàng chục tăng sĩ tu học”⁽²⁾. Tiêu biểu là trung tâm giáo dục và đào tạo Phật giáo chùa Báo Ân vùng Siêu Loại. Dưới thời vua Anh Tông “Năm Giáp Dần, niên hiệu Đại Khánh thứ nhất (1314) Thái Thượng Hoàng lên ngôi. Tại chùa Siêu Loại đúc ba pho tượng Phật đều cao 17 thước, và xây điện Phật, gác kinh, nhà Tăng, gồm 33 sở, sư đều đặt tên. Thái Thượng Hoàng tự tay viết tám biển “Nhi hượng điện” ban cho chùa. Anh Tông còn ban 500 hộp Đại Tạng kinh để làm của thường trụ chùa ấy”⁽³⁾. Năm 1315, Anh Tông lấy 30 mẫu ruộng của người cung nhân cũ họ Phạm cúng vào chùa, v.v... Những sự ủng hộ đó đã dần tạo điều kiện cho Pháp Loa dương danh phát triển Thiên phái Trúc Lâm trên vùng đất truyền thống của nhiều thiên phái đạo Phật khác. Năm 1314, tại chùa Báo Ân, Pháp Loa đã xây tới 33 cơ sở, trong đó có Phật điện tàng kinh và Tăng đường, mời

2. Nguyễn Lang. *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2000, tr. 453.

3. *Tam Tổ thực lục*, Thích Phước Sơn dịch và chú giải, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, tr. 45.

hai vị sư huynh là Tông Cảnh, Bảo Phác về chùa Siêu Loại mở những lớp về Tứ phần luật cho tăng sĩ và in 5.000 bản *Tứ phần luật* phát cho các tăng sinh. Chùa Báo Ân là cơ sở đào tạo tăng sĩ. Khóa khai giảng năm 1322 ở chùa Báo Ân có trên 1.000 người đi nghe. Những buổi ít người đi nghe nhất cũng khoảng 500 đến 600 người. Bản thân Pháp Loa là người trực tiếp giảng những kinh, luật cho các đệ tử tại chùa mình trụ trì. Đây đã trở thành nơi xuất gia của nhiều người trong hoàng tộc: “Hoàng Thái Hậu đã quy y tại chùa [...] Năm 1323, Văn Huệ Vương và Uy Huệ Vương đến chùa Báo Ân xin thụ Bồ Đề tam giới và Phát Quán Đĩnh”. Chùa Báo Ân còn là cơ sở in ấn kinh sách lớn nhất thời bấy giờ. Nhờ có bản gỗ tàng trữ tại chùa Báo Ân nên kinh sách được ấn hành rộng rãi, cung cấp đầy đủ cho nhu yếu học Phật trong khắp xứ. Việc xây dựng chùa Báo Ân thành trung tâm có vai trò quan trọng đối với việc hoàng dương chính pháp, giảng kinh, truyền pháp, phát triển tăng đoàn.

Mô hình tổ chức giáo dục đào tạo Phật giáo thời Trần được tổ chức theo những tự viện lớn. Các tự viện đều được cấp ruộng đất để người tăng sĩ tu học và tự lao động sản xuất. Phật giáo Việt Nam thời Trần đã là Phật giáo Thiên theo nguyên tắc: “Bất tác bất thực” (không làm thì không ăn), “chấp lao phục dịch” (làm việc lao động) trong giới thiên môn. Sự xen lẫn công tác lao động và công phụ tọa thiền là một thói quen đảm bảo đời sống kinh tế của tự viện.

Như vậy, có thể khẳng định, tổ chức giáo dục và đào tạo Phật giáo từ thế kỉ X

đến thế kỉ XIV được các triều đại phong kiến quan tâm và tạo điều kiện phát triển một cách có hệ thống và bài bản, là cơ sở để Phật giáo phát triển và giữ địa vị là hệ tư tưởng ảnh hưởng chủ đạo trong hệ thống Tam giáo thời kì này.

2. Trên cơ sở tổ chức như vậy, mục đích cũng như phương pháp giáo dục và đào tạo Phật giáo trải suốt những thế kỉ đầu kỉ nguyên độc lập có những đặc điểm cơ bản như sau

Một là, nền giáo dục và đào tạo Phật giáo mang đậm tinh thần từ bi, nhân bản và nhập thế. Từ thế kỉ X đến thế kỉ XIV, các vị thiền sư là những người truyền bá, phát triển Phật giáo, phần lớn đều là những người uyên thâm nho học, chẳng hạn như Thái sư Khuông Việt thuở nhỏ theo Nho học, lớn lên mới xuất gia. “Thuở nhỏ Ngài theo Nho học, lớn lên thọ giới với Vân Phong Thiền sư ở chùa Khai Quốc. Từ đó, Ngài đọc khắp kinh điển nhà Phật, hiểu được mọi lẽ cốt yếu của Thiên tôn”⁽⁴⁾. Vạn Hạnh Thiền sư thuở nhỏ thông minh khác chúng, học khắp Tam giáo, lớn lên mới đi tu. “Nhà ngài đời đời thờ Phật, từ thuở nhỏ Ngài đã thông minh khác chúng, học khắp Tam giáo và khảo cứu nhiều kinh luận nhà Phật”⁽⁵⁾. Cho dù có xuất gia từ nhỏ, như Thiền sư Pháp Thuận, thì các vị thiền sư cũng phải thông hiểu Hán học để học hỏi kinh kệ Phật giáo, do đó cũng sẽ hiểu biết về Nho học. Chính vì vậy, ngoài tinh thần từ bi và nhân bản vốn là tinh thần

4. Mật Thế. *Việt Nam Phật giáo sử lược*, Nxb. Tôn giáo, 2004, tr. 110.

5. Mật Thế. *Việt Nam Phật giáo sử lược*,... Sdd, tr. 121.

căn bản của Phật giáo, các vị thiền sư đương thời còn thâm hóa thêm tinh thần nhập thế tích cực của Nho giáo để tạo dựng thành tinh thần Phật giáo Việt Nam, dung hợp giữa xuất thế và nhập thế. Tinh thần này đã được chính các vị thiền sư thực thi và dùng làm tinh thần căn bản của nền giáo dục và đào tạo do các ngài truyền thụ cho môn đệ. Nhận định về tinh thần đặc thù này của Phật giáo Việt Nam, Trần Thạc Đức có viết: “Phật giáo Việt Nam lại có một cố gắng đáng khen hơn cả là đã cố dung hợp được hai phương diện xuất thế, nhập thế để thành một lối sống đặc biệt cho người Phật tử. Một nhà vua có thể là một vị thiền sư, một vị thiền sư có thể là một quốc sư. Đời không xa đạo và đạo sống ngay trong cuộc đời, đó là khuynh hướng dung hòa hai phương diện xuất thế và nhập thế”⁽⁶⁾.

Thừa hưởng tinh thần giáo dục và đào tạo đó, các vị vua Đại Việt thời Lý - Trần đa số đều có lòng từ bi, say mê Phật pháp mà vẫn tích cực tranh đấu cho quyền lợi của quốc gia dân tộc. Các ngài luôn dùng tinh thần từ bi, hỉ xả của Phật giáo làm nòng cốt cho chính sách trị nước, nhưng đồng thời vẫn cương quyết bảo tồn tinh thần duy lí, nhập thế của Nho giáo để giữ vững trật tự quốc gia. Điển hình cho mẫu người thành đạt trong nền giáo dục và đào tạo dung hợp giữa Phật giáo và Nho giáo là vua Lý Thánh Tông. Ngài thường bảo tả hữu: “Trẫm ở trong cung nào là lò sưởi ngự, nào áo lót cầu còn rét như thế này, nghĩ đến người tù giam trong ngục, khổ sở về gong cùm, chưa biết rõ ngay gian, mà ăn không no bụng, áo không kín mình, gió rét khổ thân,

hoặc có kẻ chết không đáng tội, trẫm rất thương xót. Vậy, lệnh cho Hữu ti phát chẩn chiếu và mỗi ngày hai lần phát cơm”⁽⁷⁾. Và một hôm, nhân xử kiện có công chúa Động Thiên theo hầu, vua đã chỉ vào công chúa mà bảo ngục lại: “Ta yêu con ta, cũng như lòng ta làm cha mẹ dân, nhân dân không biết mà mắc vào hình pháp, ta rất lấy làm thương. Từ năm nay về sau không cứ gì tội nặng nhẹ, đều nhất luật khoan giảm”⁽⁸⁾.

Hai là, nền giáo dục và đào tạo Phật giáo Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XIV là một nền giáo dục toàn diện. Trải suốt các triều đại phong kiến thời kì này, nền giáo dục và đào tạo Phật giáo được thiết lập trên nền tảng của Thiên học theo phương châm: “nội sáng ngoại giác” nghĩa là sáng suốt ở nội giới và giác ngộ, làm chủ ngoại giới. Dựa trên cơ sở nền tảng của những quan điểm chủ đạo: Thứ nhất, *Sự pháp giới* tức là thế giới hằng ngày của người phát nguyện, thế giới sự vật hiện tượng tức là thế giới hiện thực của mọi người; Thứ hai, *Lí pháp giới*, là thế giới của những nguyên lí hay là thực tại tuyệt đối; Thứ ba, quan điểm “sự - sự vô ngại pháp - giới”. Sự nghĩa là sự vật hiện tượng đặc thù. Sự - sự là vật nọ với vật kia, tuy đặc thù mà không chướng đối vì đều là biểu hiện tuyệt đối của cái duy nhất. Nghĩa là nhìn mọi vật trong vũ trụ như một dòng liên tục sinh thành, biến hóa cái nọ vào cái kia, một vật tự nó cho là đồng thời là cái

6. Trần Thạc Đức. *Phật giáo Việt Nam và hướng đi nhân bản đích thực*, Nxb. Tùng Thư, Sài Gòn, 1970, tr. 40-41.

7. *Đại việt sử kí toàn thư*, tập 1, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2006, tr. 294.

8. *Đại việt sử kí toàn thư*, tập 1,... Sdd, tr. 296.

khác nó, ngã - nhân tuy vẫn là ngã nhưng đồng thời cũng là tha nhân. Tha nhân và ngã nhân thông đồng sinh thành. “Phải vượt lên bằng biện chứng Giác ngộ ở trên cả ngã nhân và tha nhân, thiện và ác. Đây là “pháp môn không hai”⁽⁹⁾. Tinh thần giáo dục và đào tạo ấy của Phật giáo Việt Nam đã thấm nhuần trong hàng ngũ vua quan, triều đình phong kiến. Nguyễn Đăng Thục viết: “Vua (Nhân Tông) cùng với Hoàng Thái Hậu Cẩm Linh (Ỗ Lan) đang để tâm chuyên về Thiên học, mới dựng chùa lên ở bên cung Cảnh hưng, thỉnh mời (Thiền sư Mãn Giác) đến trụ trì để tiện học hỏi. Khi nói với Thiền sư, không gọi tên mà thường xưng là Trưởng lão. Một bữa kia, Vua nói với Thiền sư: Người thành đạo xuất hiện ra đời, ắt là có nhiệm vụ giúp đỡ tế độ chúng sinh. Không đức hạnh nào không có đủ, không sự việc gì không tu sửa, chẳng phải chỉ có cái năng lực định tuệ mà thôi, cũng còn phải có cái công tán dương nữa”⁽¹⁰⁾. Như vậy, theo Nguyễn Đăng Thục, giáo dục và đào tạo Phật giáo toàn diện nghĩa là có sự dung hợp với Nho giáo: “Như vậy, thì tư tưởng nhân sinh quan của Lý Nhân Tông là “Tri hành hợp nhất”, hợp “nội ngoại chi đạo”, tức là cái đạo “nội thánh vương ngoại” nghĩa là trong tâm thì hiểu biết sáng suốt, bên ngoài thì làm chủ sự vật”⁽¹¹⁾.

Như vậy, giáo dục và đào tạo toàn diện của Phật giáo Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XIV là giáo dục và đào tạo con người từ nội tâm đến ngoại giới. Nhờ được đào luyện trong nền giáo dục toàn diện này mà các vua phong kiến Việt Nam, nhất là thời Lý “có tám vua nối

nhau 218 năm, không có vị vua nào thất đức lớn, nhiều vua thánh hiền, lâu năm thái bình, từ thời Tiên cổ đến khi ấy chưa triều nào hơn”⁽¹²⁾.

Ba là, giáo dục và đào tạo Phật giáo Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XIV với phương pháp giáo dục “tự giác, giác tha”. Chủ trương của nền giáo dục và đào tạo Phật giáo thời kì này là Thiên tông lấy tâm truyền tâm (tâm ấn tâm), không dùng lời nói để giảng giải đạo lí mà chủ yếu lấy yên lặng truyền tâm pháp, khiến cho môn sinh tự giác đạo, và khi đã giác đạo rồi thì lại đem phương cách giáo dục ấy mà giác ngộ người khác (tự giác, giác tha). Chú trọng tới sự “tự giác” của người di học. Thiền sư không dùng lời giảng giải, chỉ dùng tư cách của mình mà cảm hóa môn đệ để môn đệ tự lấy “trực giác” mà “tự giác”. Chính vì vậy, tinh thần giáo dục và đào tạo của Phật giáo thời kì này đã tạo ra nhiều tấm gương sáng của các thiền sư khắc ghi dấu ấn trong lịch sử và là cơ nguồn cho sự phát triển cực thịnh của Phật giáo. Các thiền sư đã mở trường dạy học, không những cho tăng sĩ mà còn cho cả cư sĩ. Thiền sư Vạn Hạnh đã đào tạo nên Lý Công Uẩn tại chùa Lục Tổ. Thiền sư Trí Thiên trên núi Cao Dã đã đào tạo nên Tô Hiến Thành, và Ngô Hòa Nghĩa. Nhiều thiền sư am tường cả Tam giáo (Khuông Việt, Vạn Hạnh, Đạo Hạnh, Viên Thông, Mãn Giác, Bảo Giám, v.v...)

9. Nguyễn Đăng Thục. *Thiền là một tôn giáo*, Vạn Hạnh, số 15, 1996, tr. 79.

10. Nguyễn Đăng Thục. *Thiền uyển truyền đăng tập*, Nxb. Vạn Hạnh, Sài Gòn, 1996, tr. 154.

11. Nguyễn Đăng Thục. *Tư tưởng Việt Nam*, tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996, tr. 163.

12. Ngô Thời Sĩ. *Việt sử tiêu án*, Nxb. Văn hóa Á Châu, Sài Gòn, 1965, tr. 116.

đã dạy cho các môn đệ những điều tinh hoa nhất trong khoa học xã hội và chính trị của Nho giáo một cách rất cởi mở và với tinh thần không phân biệt. Kiến thức Nho giáo được sử dụng theo tinh thần Phật giáo đã đóng góp nhiều cho học thuật và chính trị qua các triều đại phong kiến những kỉ nguyên đầu độc lập. Nói về sĩ phu đời Trần, Lê Quý Đôn viết trong *Kiến văn Tiểu lục*: “Các vị ấy phẩm hạnh và thanh giới cao khiết, có tư cách người trí thức quân tử như đời Tây Hán. Không phải kẻ tầm thường sánh được. Bởi vì nhà Trần đãi kẻ sĩ một cách khoan dung, không hẹp hòi, hóa vị mà có lễ phép, cho nên nhân sĩ thời ấy ai cũng biết tự lập, anh hào tuấn vĩ vượt ra ngoài lưu tục, làm cho quang vinh cả sử sách, không thẹn với trời đất, há phải đời sau kịp được đâu”⁽¹³⁾.

Có thể kết luận rằng, trong suốt thời kì đầu, từ triều đại Ngô đến đầu nhà Lý, nền giáo dục và đào tạo Phật giáo là nền giáo dục xã hội và đó là nền giáo dục hoàn toàn mang đặc điểm của Phật giáo Thiên tông Việt Nam chi phối từ tinh thần, quan niệm đến phương pháp giáo dục. Từ giữa nhà Lý cho đến hết nhà Hồ, Nho giáo bắt đầu thay thế cho phương pháp giáo dục và đào tạo “tự giác, giác

tha” của Thiên tông. Tinh thần giáo dục và đào tạo của Nho giáo đã lấn lướt tinh thần giáo dục và đào tạo xuất thế của Phật giáo. Tuy nhiên, tinh thần giáo dục và đào tạo Phật giáo nhân bản, từ bi toàn diện, phương pháp giáo dục và đào tạo “tự giác, giác tha” của Phật giáo vẫn chiếm ưu thế trong suốt thời kì này (từ thời kì nhà Ngô cho đến hết nhà Hồ). Ngay cả những lúc Phật giáo cực thịnh (thời Lý - Trần) ta vẫn thấy bàng bạc tư tưởng Nho giáo làm nền móng cho nền giáo dục và đào tạo Phật giáo Việt Nam, nhất là tư tưởng tích cực nhập thế của Nho giáo. Như vậy, quan niệm chỉ đạo của nền giáo dục và đào tạo Phật giáo từ thế kỉ X đến thế kỉ XIV là sự dung hợp giữa Phật giáo và Nho giáo. Cho đến ngày nay, tinh thần giáo dục và đào tạo của Phật giáo thời kì này vẫn luôn được các nhà giáo dục và đào tạo Phật giáo đánh giá cao, được vận dụng sáng tạo, kết hợp với tư tưởng giáo dục và đào tạo thời hiện đại để đào tạo ra những lớp tăng ni sinh, Phật tử có trình độ cao, uyên thâm Phật học và kiến thức xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu toàn cầu hóa, hội nhập và phát triển của Việt Nam./

13. Nguyễn Lang. *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 1, 2, 3, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2000, tr. 391.